

**BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÂN KHẤU - ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Khoa Kiến thức cơ bản**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**PHIẾU THU BÀI**

*Học kỳ ... , năm học : 20 ... – 20 ...*

**Môn học:** .....

**Số TC:**.....

**Lớp:** Biên tập truyền hình K45

**Hình thức thi:**..... .

**Ngày thi (kiểm tra):** .....

| STT | Họ và tên           | Số đề | Số tờ | Chữ ký SV | Ghi chú |
|-----|---------------------|-------|-------|-----------|---------|
| 1   | Lê Trúc Anh         |       |       |           |         |
| 2   | Nguyễn Công Mai Anh |       |       |           |         |
| 3   | Trần Quốc Anh       |       |       |           |         |
| 4   | Trần Tiến Anh       |       |       |           |         |
| 5   | Nguyễn Minh Châu    |       |       |           |         |
| 6   | Nguyễn Thị Yến Chi  |       |       |           |         |
| 7   | Đỗ Thu Hằng         |       |       |           |         |
| 8   | Trần Thị Đăng Huyền |       |       |           |         |
| 9   | Đỗ Trang Khanh      |       |       |           |         |
| 10  | Tô Mai Khanh        |       |       |           |         |
| 11  | Hoàng Khánh Linh    |       |       |           |         |
| 12  | Nguyễn Thị Linh     |       |       |           |         |
| 13  | Nguyễn Hà My        |       |       |           |         |
| 14  | Nguyễn Hà Phương    |       |       |           |         |
| 15  | Nguyễn Thị Quyên    |       |       |           |         |
| 16  | Nguyễn Tiến Quân    |       |       |           |         |
| 17  | Nguyễn Ánh Anh Thư  |       |       |           |         |
| 18  | Lê Quốc Trị         |       |       |           |         |
| 19  | Nguyễn Phương Vy    |       |       |           |         |
|     |                     |       |       |           |         |

**Giảng viên coi thi 1**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**Giảng viên coi thi 2**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

## PHIẾU CHẤM ĐIỂM THI VIẾT

*Học kỳ ... , năm học : 20 ... – 20 ...*

**Môn học:** .....

**Số TC:**.....

**Lớp:** Biên tập truyền hình K45

| STT | Họ và tên           | Số phách | Điểm      |            | Ghi chú |
|-----|---------------------|----------|-----------|------------|---------|
|     |                     |          | (Bằng số) | (Bằng chữ) |         |
| 1   | Lê Trúc Anh         |          |           |            |         |
| 2   | Nguyễn Công Mai Anh |          |           |            |         |
| 3   | Trần Quốc Anh       |          |           |            |         |
| 4   | Trần Tiến Anh       |          |           |            |         |
| 5   | Nguyễn Minh Châu    |          |           |            |         |
| 6   | Nguyễn Thị Yên Chi  |          |           |            |         |
| 7   | Đỗ Thu Hằng         |          |           |            |         |
| 8   | Trần Thị Đăng Huyền |          |           |            |         |
| 9   | Đỗ Trang Khanh      |          |           |            |         |
| 10  | Tô Mai Khanh        |          |           |            |         |
| 11  | Hoàng Khánh Linh    |          |           |            |         |
| 12  | Nguyễn Thị Linh     |          |           |            |         |
| 13  | Nguyễn Hà My        |          |           |            |         |
| 14  | Nguyễn Hà Phương    |          |           |            |         |
| 15  | Nguyễn Thị Quyên    |          |           |            |         |
| 16  | Nguyễn Tiến Quân    |          |           |            |         |
| 17  | Nguyễn Ánh Anh Thư  |          |           |            |         |
| 18  | Lê Quốc Trị         |          |           |            |         |
| 19  | Nguyễn Phương Vy    |          |           |            |         |
|     |                     |          |           |            |         |

Tổng số bài thi:.....

Ngày khớp điểm:...../...../20.....

**Cán bộ khớp điểm**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**Khoa/Trung tâm**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**PHIẾU CHẤM ĐIỂM THI VẤN ĐÁP, THỰC HÀNH**

Học kỳ ... , năm học: 20 ... – 20 ...

Môn học: .....

Số TC:.....

Lớp: Biên tập truyền hình K45

Ngày thi (kiểm tra):.....

| STT | Họ và tên           | Số phiếu thi | Điểm thông nhất của 2 GV |            | Chữ ký SV | Ghi chú |
|-----|---------------------|--------------|--------------------------|------------|-----------|---------|
|     |                     |              | (Bằng số)                | (Bằng chữ) |           |         |
| 1   | Lê Trúc Anh         |              |                          |            |           |         |
| 2   | Nguyễn Công Mai Anh |              |                          |            |           |         |
| 3   | Trần Quốc Anh       |              |                          |            |           |         |
| 4   | Trần Tiến Anh       |              |                          |            |           |         |
| 5   | Nguyễn Minh Châu    |              |                          |            |           |         |
| 6   | Nguyễn Thị Yến Chi  |              |                          |            |           |         |
| 7   | Đỗ Thu Hằng         |              |                          |            |           |         |
| 8   | Trần Thị Đăng Huyền |              |                          |            |           |         |
| 9   | Đỗ Trang Khanh      |              |                          |            |           |         |
| 10  | Tô Mai Khanh        |              |                          |            |           |         |
| 11  | Hoàng Khánh Linh    |              |                          |            |           |         |
| 12  | Nguyễn Thị Linh     |              |                          |            |           |         |
| 13  | Nguyễn Hà My        |              |                          |            |           |         |
| 14  | Nguyễn Hà Phương    |              |                          |            |           |         |
| 15  | Nguyễn Thị Quyên    |              |                          |            |           |         |
| 16  | Nguyễn Tiến Quân    |              |                          |            |           |         |
| 17  | Nguyễn Ánh Anh Thư  |              |                          |            |           |         |
| 18  | Lê Quốc Trị         |              |                          |            |           |         |
| 19  | Nguyễn Phương Vy    |              |                          |            |           |         |
|     |                     |              |                          |            |           |         |

**Giảng viên chấm thi 1**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giảng viên chấm thi 2**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

## PHIẾU TỔNG KẾT ĐIỂM HỌC PHẦN

Hình thức đào tạo: .....

Học kỳ: ....., năm học: 20... - 20...

Môn học:.....

Số TC:.....

Lớp: Biên tập truyền hình K45

Hình thức thi:.....

| STT | Họ và tên sinh viên | Điểm chuyên<br>cần<br>(Hệ số 1) | Điểm TB<br>kiểm tra<br>(Hệ số 3) | Điểm thi học<br>phần<br>(Hệ số 6) | Điểm tổng<br>kết<br>học phần | Ghi chú |
|-----|---------------------|---------------------------------|----------------------------------|-----------------------------------|------------------------------|---------|
| (1) | (2)                 | (3)                             | (4)                              | (5)                               | (6)                          | (7)     |
| 1   | Lê Trúc Anh         |                                 |                                  |                                   |                              |         |
| 2   | Nguyễn Công Mai Anh |                                 |                                  |                                   |                              |         |
| 3   | Trần Quốc Anh       |                                 |                                  |                                   |                              |         |
| 4   | Trần Tiến Anh       |                                 |                                  |                                   |                              |         |
| 5   | Nguyễn Minh Châu    |                                 |                                  |                                   |                              |         |
| 6   | Nguyễn Thị Yến Chi  |                                 |                                  |                                   |                              |         |
| 7   | Đỗ Thu Hằng         |                                 |                                  |                                   |                              |         |
| 8   | Trần Thị Đăng Huyền |                                 |                                  |                                   |                              |         |
| 9   | Đỗ Trang Khanh      |                                 |                                  |                                   |                              |         |
| 10  | Tô Mai Khanh        |                                 |                                  |                                   |                              |         |
| 11  | Hoàng Khánh Linh    |                                 |                                  |                                   |                              |         |
| 12  | Nguyễn Thị Linh     |                                 |                                  |                                   |                              |         |
| 13  | Nguyễn Hà My        |                                 |                                  |                                   |                              |         |
| 14  | Nguyễn Hà Phương    |                                 |                                  |                                   |                              |         |
| 15  | Nguyễn Thị Quyên    |                                 |                                  |                                   |                              |         |
| 16  | Nguyễn Tiến Quân    |                                 |                                  |                                   |                              |         |
| 17  | Nguyễn Ánh Anh Thư  |                                 |                                  |                                   |                              |         |
| 18  | Lê Quốc Trị         |                                 |                                  |                                   |                              |         |
| 19  | Nguyễn Phương Vy    |                                 |                                  |                                   |                              |         |
|     |                     |                                 |                                  |                                   |                              |         |

Nhận phiếu

Ngày.....tháng.....năm 20....

CÁN BỘ PHÒNG ĐT, QLKH và HTQT

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm 20....

KHOA/TRUNG TÂM

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm 20....

GIẢNG VIÊN BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Lại Thị Thanh Bình

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÂN KHẤU - ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI**

## Khoa Kiến thức cơ bản

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

# PHIẾU ĐIỂM DANH

Học kỳ: ....., Năm học: 20...../20.....

**Môn học:** .....

**Lớp: Biên tập truyền hình K45**

[illegible]

[illegible]